



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 8428 - 37560110 – 37561191 Fax: 8428 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.525.511.044.728	2.485.377.267.052
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	301.040.645.426	397.285.452.396
111	1. Tiền		246.040.645.426	317.285.452.396
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	80.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	4.000.000.000	24.346.512.059
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000	24.346.512.059
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		932.051.999.132	695.917.534.807
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	882.521.714.402	672.501.430.002
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	41.949.613.118	15.048.641.694
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.a	16.079.580.755	17.901.460.088
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(8.498.909.143)	(9.533.996.977)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.265.752.160.608	1.347.103.381.416
141	1. Hàng tồn kho		1.265.752.160.608	1.347.103.381.416
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.666.239.562	20.724.386.374
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.482.744.170	2.949.797.425
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.119.950.929	13.940.496.745
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		6.063.544.463	3.834.092.204
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		823.941.353.863	852.151.094.680
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.737.502.545	3.737.502.545
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	3.737.502.545	3.737.502.545
220	II. Tài sản cố định		736.231.100.864	760.585.986.105
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	503.657.270.954	527.397.544.919
222	- Nguyên giá		992.903.214.811	978.585.107.846
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(489.245.943.857)	(451.187.562.927)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	232.573.829.910	233.188.441.186
228	- Nguyên giá		240.856.398.857	240.856.398.857
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.282.568.947)	(7.667.957.671)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		66.728.172.752	63.749.183.308
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	66.728.172.752	63.749.183.308
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	7.867.965.154	8.177.477.852
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.793.953.717)	(3.484.441.019)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.376.612.548	15.900.944.870
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		9.258.978.765	10.559.100.571
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	5.106.576.730
269	3. Lợi thế thương mại	V.12	117.633.783	235.267.569
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.349.452.398.591	3.337.528.361.732

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho Quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.195.416.616.094	2.184.088.929.366
310	I. Nợ ngắn hạn		2.075.778.172.045	2.043.077.163.659
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	382.816.605.555	362.949.954.711
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	20.282.971.164	62.007.451.656
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	139.226.543.467	129.255.672.900
314	4. Phải trả người lao động		30.078.762.154	36.117.021.548
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	78.363.888.998	79.376.672.923
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	68.895.225.886	25.536.119.181
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18.a	1.329.549.300.455	1.333.840.763.074
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	26.564.874.366	13.993.507.666
330	II. Nợ dài hạn		119.638.444.049	141.011.765.707
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18.b	119.638.444.049	141.011.765.707
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.154.035.782.497	1.153.439.432.366
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	1.154.035.782.497	1.153.439.432.366
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		24.230.059.200	24.230.059.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		194.826.186.830	182.263.351.733
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.191.833.055	13.191.833.055
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		126.988.988.625	131.471.170.256
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		67.078.605.786	88.552.624.892
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		59.910.382.839	42.918.545.364
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		223.118.784.787	230.603.088.122
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.349.452.398.591	3.337.528.361.732

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Hùng



Trần Tấn Sơn



Ngô Văn Đông

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.698.978.704.553	2.036.896.901.959	2.598.895.031.587	3.062.885.086.909
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	42.802.591.150	27.219.391.387	54.649.070.952	41.066.379.891
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.656.176.113.403	2.009.677.510.572	2.544.245.960.635	3.021.818.707.018
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.424.536.022.960	1.813.538.627.307	2.204.466.152.360	2.726.580.565.843
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		231.640.090.443	196.138.883.265	339.779.808.275	295.238.141.175
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.494.021.086	1.366.622.549	3.670.937.601	2.180.076.389
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	32.087.884.707	41.770.450.474	55.077.525.600	70.546.656.978
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		22.270.147.463	29.783.990.199	44.297.845.839	57.358.939.523
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	66.131.321.895	101.381.071.622	121.209.983.665	142.563.107.473
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	46.795.963.665	37.128.174.236	72.886.189.592	60.528.312.391
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88.118.941.262	17.225.809.482	94.277.047.019	23.780.140.722
31	12. Thu nhập khác	VI.8	113.145.570	601.821.291	2.886.018.839	1.349.196.315
32	13. Chi phí khác	VI.9	145.409.894	236.291.964	1.041.809.887	387.768.177
40	14. Lợi nhuận khác		(32.264.324)	365.529.327	1.844.208.952	961.428.138
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88.086.676.938	17.591.338.809	96.121.255.971	24.741.568.860
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	8.307.517.851	5.933.928.307	11.789.240.933	7.725.121.480
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	5.106.576.730	-	5.106.576.730	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		74.672.582.357	11.657.410.502	79.225.438.308	17.016.447.380
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		52.772.427.166	6.601.108.634	59.910.382.839	9.002.061.742
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		21.900.155.191	5.056.301.868	19.315.055.469	8.014.385.638
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	831	104	943	142
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	831	104	943	142

Người lập



Trần Ngọc Hùng

Kế toán trưởng



Trần Tấn Sơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020



Ngô Văn Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 Tháng đầu năm 2020	6 Tháng đầu năm 2019
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		96.121.255.971	24.741.568.860
	2. Điều chỉnh cho các khoản		82.686.094.117	97.271.082.316
02	- Khấu hao tài sản cố định		40.988.898.628	41.211.400.544
03	- Các khoản dự phòng		(725.575.136)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.875.075.214)	(1.299.257.751)
06	- Chi phí lãi vay		44.297.845.839	57.358.939.523
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		178.807.350.088	122.012.651.176
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(252.441.832.385)	(428.813.861.889)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		81.351.220.808	317.305.451.295
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(17.079.281.476)	91.516.641.849
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.884.808.844	126.025.269
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(44.297.845.839)	(57.358.939.523)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.853.508.786)	(15.844.985.324)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.601.990.010	559.972.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.403.774.374)	(25.082.017.533)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(65.430.873.110)	4.420.937.320
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(18.694.821.856)	(82.080.589.980)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		68.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(9.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.346.512.059	22.125.906.849
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.806.893.396	1.299.257.751
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.526.765.417	(68.155.425.380)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.522.605.675.350	1.948.845.171.032
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.548.270.459.627)	(1.892.982.531.523)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(1.173.385.490)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.675.915.000)	(65.752.365.980)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.340.699.277)	(11.063.111.961)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(96.244.806.970)	(74.797.600.021)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		397.285.452.396	318.247.777.132
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	301.040.645.426	243.450.177.111

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Ngọc Hùng

Trần Tấn Sơn



Ngô Văn Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)****Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5. Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Chợ kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.148 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.161 nhân viên.

7. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong Quý II và 6 tháng đầu năm 2020 tăng lần lượt là 540% và 365% so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do chi phí đầu vào giảm so với cùng kỳ đồng thời giá bán bình quân ổn định từ năm trước. Bên cạnh đó trong 6 tháng đầu năm 2020 do tình hình thị trường tiếp tục khó khăn, cũng như dịch bệnh kéo dài nên Công ty chủ động cắt giảm các chi phí chưa cần thiết nên tỷ lệ lãi gộp 6 tháng đầu năm tăng từ 9,8% trong 6 tháng đầu năm 2019 lên 13,4% trong 6 tháng đầu năm 2020.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2020 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	07 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Giấy phép nhượng quyền

Chi phí liên quan đến các giấy phép nhượng quyền thương hiệu. Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm có được giấy phép nhượng quyền. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: phân bón thành phẩm và nguyên liệu phân bón.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	4.072.880.382	4.420.552.266
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	241.967.765.044	312.864.900.130
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	55.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	<u>301.040.645.426</u>	<u>397.285.452.396</u>

^(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng không là bên liên quan	882.521.714.402	672.501.430.002
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	174.303.286.571	97.800.812.187
- Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	39.064.796.550	38.237.356.000
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	43.888.218.267	27.403.779.117
- Công ty TNHH Hồng Nhung	13.144.633.700	27.349.980.400
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	22.770.034.578	21.018.994.898
- Công ty CP XNK Phân bón Minh Tân	37.742.481.981	14.657.253.981
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	14.222.196.762	13.340.996.762
- Các khách hàng khác	537.386.065.993	432.692.256.657
Cộng	<u>882.521.714.402</u>	<u>672.501.430.002</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu là trả trước để xây dựng và sửa chữa lớn tài sản cố định.

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán không là bên liên quan	41.949.613.118	15.048.641.694
- Công ty TNHH Cơ khí & Thiết Bị Việt Khang	7.953.967.000	4.854.801.000
- Công ty TNHH Chế Tạo Máy Phú Minh	19.973.915.200	2.323.915.200
- Trả trước cho người bán khác	14.021.730.918	7.869.925.494
Cộng	<u>41.949.613.118</u>	<u>15.048.641.694</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	1.116.998.350	-	1.116.998.350	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.116.998.350	-	1.116.998.350	-
<i>Phải thu khác không là bên liên quan</i>	14.962.582.405	-	16.784.461.738	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	6.224.947.368	-	4.666.033.380	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.737.635.037	-	12.118.428.358	-
Cộng	16.079.580.755	-	17.901.460.088	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
<i>Phải thu khác không là bên liên quan</i>	-	-	-	-
Cộng	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	6T năm 2020	Năm 2019
Số đầu năm	(9.533.996.977)	(8.203.786.281)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(2.050.663.996)
Hoàn nhập dự phòng	1.035.087.834	720.453.300
Số cuối năm	(8.498.909.143)	(9.533.996.977)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	921.091.955.171	-	928.501.041.815	-
- Công cụ, dụng cụ	3.249.821.245	-	12.931.701.743	-
- Chi phí SXKD dở dang	34.427.724.840	-	43.021.743.678	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	296.744.416.991	-	352.062.146.046	-
- Hàng hóa	10.238.242.361	-	10.586.748.134	-
Cộng	1.265.752.160.608	-	1.347.103.381.416	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Phần mềm/khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	239.185.913.057	1.670.485.800	240.856.398.857
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	239.185.913.057	1.670.485.800	240.856.398.857
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.660.518.187	1.007.439.484	7.667.957.671
Khấu hao trong năm	498.677.318	115.933.958	614.611.276
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	7.159.195.505	1.123.373.442	8.282.568.947
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	232.525.394.870	663.046.316	233.188.441.186
Số cuối năm	232.026.717.552	547.112.358	232.573.829.910

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 605.000.000 đồng.
- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 18.708.875.342 đồng (xem tại thuyết minh V.21).

^(*)Quyền sử dụng đất cuối năm của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này, trong năm, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.
- Quyền sử dụng 31.829 m² đất thuê (một phần các thửa số 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.21).
- Quyền sử dụng 5.200 m² đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.21).
- Quyền sử dụng 4.000 m² đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.21).
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2016 với tổng diện tích 10.202,50 m² thuộc lô đất số

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, ấp An Hội, xã An Hóa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và BM189701 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2015 với tổng diện tích 15.233,20 m² thuộc lô đất số A10, đường C4, KCN Bourbon An Hòa, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	63.749.183.308	10.948.683.760	7.969.694.316	66.728.172.752
- Các hạng mục của nhà máy Bình Điền tại Hồ Chí Minh, Long An	16.337.710.625	5.832.560.767	7.925.826.316	14.244.445.076
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Quảng Trị	15.222.520.500	3.519.486.500	43.868.000	18.698.139.000
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Ninh Bình	32.188.952.183	1.596.636.493	-	33.785.588.676
Cộng	63.749.183.308	10.948.683.760	7.969.694.316	66.728.172.752

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	7.867.965.154	(3.793.953.717)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)
Cộng	11.661.918.871	7.867.965.154	(3.793.953.717)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà.

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP Bình Điền MeKong	84.775.328	-	(42.387.664)	42.387.664
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	150.492.241	-	(75.246.122)	75.246.119
Cộng	235.267.569	-	(117.633.786)	117.633.783

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán không là bên liên quan</i>	382.816.605.555	362.949.954.711
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	63.602.541.700	68.547.734.844
- Công ty TNHH Nguyễn Phan	34.667.520.000	17.956.952.000
- Công ty TNHH Eastchem	16.275.559.500	26.715.699.500
- Các nhà cung cấp khác	268.270.984.355	249.729.568.367
Cộng	<u>382.816.605.555</u>	<u>362.949.954.711</u>

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước không là bên liên quan</i>	20.563.462.058	62.007.451.656
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.563.462.058	62.007.451.656
Cộng	<u>20.563.462.058</u>	<u>62.007.451.656</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	265.664.444	380.738.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.442.890.436	12.691.149.154
Thuế thu nhập cá nhân	639.049.989	1.496.164.426
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	114.687.620.655
Các khoản thuế, phí, lệ phí, khác	16.191.317.943	-
Cộng	<u>139.226.543.467</u>	<u>129.255.672.900</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất:

- Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất phổ thông 20%.
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, năm 2020 là năm thứ 9 được hưởng thuế suất ưu đãi.

- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Công ty CP Bình Điền Ninh Bình giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (bắt đầu từ năm 2017), năm 2020 là năm thứ 04 được giảm 50%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>6T năm 2020</u>	<u>6T năm 2019</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.121.255.971	24.741.568.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.789.240.933	7.725.121.480
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.106.576.730	-
Tổng lợi nhuận sau thuế	<u>79.225.438.308</u>	<u>17.016.447.380</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí phải trả ngắn hạn	78.363.888.998	79.376.672.923
Cộng	78.363.888.998	79.376.672.923

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi tiết gồm:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	68.895.225.886	25.536.119.181
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	68.895.225.886	25.536.119.181
Cộng	68.895.225.886	25.536.119.181

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	1.329.549.300.455	1.329.549.300.455	1.333.840.763.074	1.333.840.763.074
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM	332.547.373.737	332.547.373.737	263.464.541.700	263.464.541.700
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi	-	-	39.090.132.000	39.090.132.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé	78.613.836.900	78.613.836.900	57.448.614.000	57.448.614.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM	326.496.921.565	326.496.921.565	205.284.321.092	205.284.321.092
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	53.790.680.220	53.790.680.220	88.065.000.000	88.065.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM	48.853.100.000	48.853.100.000	29.856.480.000	29.856.480.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn	119.640.203.787	119.640.203.787	140.430.899.635	140.430.899.635
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – CN Tp.HCM	41.991.132.546	41.991.132.546	76.068.409.639	76.068.409.639
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị	19.993.385.699	19.993.385.699	19.338.727.500	19.338.727.500
- Ngân hàng Ngoại thương VN – CN Quảng Trị	14.200.000.000	14.200.000.000	49.954.423.992	49.954.423.992
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị	95.657.756.780	95.657.756.780	90.185.275.000	90.185.275.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng	-	-	4.115.278.640	4.115.278.640
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng	-	-	20.881.052.000	20.881.052.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình	197.764.909.221	197.764.909.221	249.657.607.876	249.657.607.876
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	1.329.549.300.455	1.329.549.300.455	1.333.840.763.074	1.333.840.763.074

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác là bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác không là bên liên quan</i>	119.638.444.049	119.638.444.049	141.011.765.707	141.011.765.707
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	26.750.500.000	26.750.500.000	29.813.900.000	29.813.900.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽²⁾	92.887.944.049	92.887.944.049	111.197.865.707	111.197.865.707
Cộng	119.638.444.049	119.638.444.049	141.011.765.707	141.011.765.707

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
		lập từ lợi nhuận, tăng khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.993.507.666	17.351.141.074	4.779.774.374	26.564.874.366
Cộng	13.993.507.666	17.351.141.074	4.779.774.374	26.564.874.366

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>6 Tháng 2020</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	-	57.167.993.000

20d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

20e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.766.170,05	2.338.996,79
Euro (EUR)	32,82	38,69

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>6T 2020</u>	<u>6T 2019</u>
- Doanh thu hoạt động bán thành phẩm, khác	2.598.895.031.587	3.062.885.086.909
Cộng	2.598.895.031.587	3.062.885.086.909

2. Các khoản giảm trừ

Chi tiết gồm:

	<u>6T 2020</u>	<u>6T 2019</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	54.649.070.952	41.066.379.891
Cộng	54.649.070.952	41.066.379.891

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán		
	6T 2020	6T 2019
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán, khác	2.204.466.152.360	2.726.580.565.843
Cộng	2.204.466.152.360	2.726.580.565.843
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Lãi tiền gửi, khác	3.670.937.601	2.180.076.389
Cộng	3.670.937.601	2.180.076.389
5. Chi phí tài chính		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, khác	55.077.525.600	70.546.656.978
Cộng	55.077.525.600	70.546.656.978
6. Chi phí bán hàng		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Chi phí cho nhân viên; chi phí khuyến mãi, chi phí bán hàng khác.	121.209.983.665	142.563.107.473
Cộng	121.209.983.665	142.563.107.473
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	6T 2020	6T 2019
- Chi phí nhân viên, chi phí quản lý khác.	72.886.189.592	60.528.312.391
Cộng	72.886.189.592	60.528.312.391
8. Thu nhập khác		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Thu nhập khác	2.886.018.839	1.349.196.315
Cộng	2.886.018.839	1.349.196.315
9. Chi phí khác		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Chi phí khác	1.041.809.887	387.768.177
Cộng	1.041.809.887	387.768.177
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.789.240.933	7.725.121.480
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.789.240.933	7.725.121.480
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại		
<i>Chi tiết gồm:</i>	6T 2020	6T 2019
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.106.576.730	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.106.576.730	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6T_2020	6T_2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	59.910.382.839	9.002.061.742
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.991.038.284)	(900.206.174)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.919.344.555	8.101.855.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	943	142

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Năm nay.

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6T_2020	6T_2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	59.910.382.839	9.002.061.742
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.991.038.284)	(900.206.174)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	53.919.344.555	8.101.855.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	943	142

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Năm nay.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi tiết gồm:	6T_2020	6T_2019
Lương, thưởng và thù lao	1.629.068.995	1.853.794.000
Cổ tức đã nhận bằng tiền	-	91.584.000
Cộng	1.629.068.995	1.945.378.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

2b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty CP Phân bón Bình Điền)

Nội dung giao dịch và số dư:	Năm nay	Năm trước
- Số dư Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu ngắn hạn khác (tại ngày 30/06/2020)	1.116.998.350	1.116.998.350 (tại ngày 31/12/2019)
- Số dư Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu dài hạn khác (tại ngày 30/06/2020)	3.737.502.545	3.737.502.545 (tại ngày 31/12/2019)
- Công ty CP Phân bón Bình Điền trả cổ tức	-	37.159.200.000
- Công ty CP Phân bón Bình Điền cung cấp dịch vụ	-	1.000.000.000

3. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

6 tháng năm 2020

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.195.754.342.135	348.491.618.500	2.544.245.960.635
Giá vốn hàng bán	1.908.502.073.241	295.964.079.119	2.204.466.152.360
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.252.268.894	52.527.539.381	339.779.808.275

6 tháng năm 2019

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.702.160.512.586	319.658.194.432	3.021.818.707.018
Giá vốn hàng bán	2.443.179.707.125	283.400.858.718	2.726.580.565.843
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.980.805.461	36.257.335.714	295.238.141.175

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (xem tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.7, V.9, V.11, V.21).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ kế toán Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	594.066.430.532	317.842.496.279	44.064.485.160	7.341.499.403	15.270.196.472	978.585.107.846
2. Tăng trong năm	11.631.355.575	7.663.753.330	927.646.300	32.000.000	-	20.254.755.205
- Tăng do mua mới	2.383.411.575	7.403.571.512	927.646.300	32.000.000	-	10.746.629.387
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	5.887.384.000	-	-	-	-	5.887.384.000
- Tăng từ tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	3.360.560.000	260.181.818	-	-	-	3.620.741.818
3. Giảm trong năm	-	(5.251.466.422)	(425.000.000)	(260.181.818)	-	(5.936.648.240)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.890.906.422)	(425.000.000)	-	-	(2.315.906.422)
- Điều chỉnh giảm	-	(3.360.560.000)	-	(260.181.818)	-	(3.620.741.818)
4. Số dư cuối năm	605.697.786.107	320.254.783.187	44.567.131.460	7.113.317.585	15.270.196.472	992.903.214.811
Trong đó:						
TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.199.564.738	72.773.385.477	13.089.558.810	1.949.906.594	-	121.012.415.619
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	222.726.135.793	187.361.603.247	29.004.452.015	4.539.756.886	7.555.614.986	451.187.562.927
2. Tăng trong năm	21.926.440.281	14.510.025.464	2.191.463.124	391.286.378	1.355.072.105	40.374.287.352
- Khấu hao trong kỳ	21.926.440.281	14.510.025.464	2.191.463.124	391.286.378	1.355.072.105	40.374.287.352
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	(1.890.906.422)	(425.000.000)	-	-	(2.315.906.422)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.890.906.422)	-	-	-	(1.890.906.422)
- Giảm khác	-	-	(425.000.000)	-	-	(425.000.000)
4. Số dư cuối năm	244.652.576.074	199.980.722.289	30.770.915.139	4.931.043.264	8.910.687.091	489.245.943.857
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	371.340.294.739	130.480.893.032	15.060.033.145	2.801.742.517	7.714.581.486	527.397.544.919
2. Tại ngày cuối năm	361.045.210.033	120.274.060.898	13.796.216.321	2.182.274.321	6.359.509.381	503.657.270.954

Người lập biểu



Trần Ngọc Hùng

Kế toán trưởng



Trần Tấn Sơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Đông

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Số dư đầu năm trước	571.679.930.000	19.640.059.200	-	164.003.584.634	13.191.833.055	164.678.939.727	255.643.986.456	1.188.838.333.072
2. Tăng trong năm trước	-	4.590.000.000	-	22.849.767.099	-	74.002.541.864	25.251.945.859	126.694.254.822
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	74.002.541.864	25.251.945.859	99.254.487.723
- Tăng vốn trong năm	-	4.590.000.000	-	-	-	-	-	4.590.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	22.849.767.099	-	-	-	22.849.767.099
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(4.590.000.000)	-	(107.210.311.335)	(50.292.844.193)	(162.093.155.528)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(107.210.311.335)	(50.292.844.193)	(157.503.155.528)
- Giảm khác	-	-	-	(4.590.000.000)	-	-	-	(4.590.000.000)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	571.679.930.000	24.230.059.200	-	182.263.351.733	13.191.833.055	131.471.170.256	230.603.088.122	1.153.439.432.366
5. Tăng trong kỳ này	-	-	-	12.562.835.097	-	59.910.382.839	19.315.055.469	91.788.273.405
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	59.910.382.839	19.315.055.469	79.225.438.308
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	12.562.835.097	-	-	-	12.562.835.097
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	(64.392.564.470)	(26.799.358.804)	(91.191.923.274)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(12.562.835.097)	-	(12.562.835.097)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	-	-	-	(10.721.466.388)	(4.822.887.587)	(15.544.353.975)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(40.017.595.100)	(20.915.853.840)	(60.933.448.940)
- Thương HDQT và BKS	-	-	-	-	-	(1.090.667.885)	(872.457.377)	(1.963.125.262)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(188.160.000)	(188.160.000)
7. Số dư cuối kỳ này	571.679.930.000	24.230.059.200	-	194.826.186.830	13.191.833.055	126.988.988.625	223.118.784.787	1.154.035.782.497

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc





Ngô Văn Đông

Trần Ngọc Hùng

Trần Tấn Sơn